

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2021/DS-PT
Ngày: 30-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị T Hải

Các Thẩm phán: Bà Lê Hải Vân

Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoài Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H..

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 02 năm 2021, ngày 26 tháng 3 năm 2020 và ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố H. xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 535/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 241/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C.C., Thành phố H. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6306/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 769/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 1244/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1614/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th..

Địa chỉ trụ sở: Số 904, đường Âu Cơ, Phường 14, quận Tân B., Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hải, địa chỉ: Số 904, đường Âu Cơ, Phường 14, quận Tân B., Thành phố H., là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn S., sinh năm 1952.

2.2. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Số 858, tỉnh lộ 15, ấp Bến Mương, xã An Nhơn Tây, huyện C.C., Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn Chiến, sinh năm 1972, địa chỉ: 65/2A, Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố H., là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền có công chứng số 000515 ngày 04/02/2021 tại Văn phòng Công chứng Trần Trung Dũng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn S.: Luật sư Phạm Văn Tận, Công ty luật TNHH MTV Đông An Tận, Đoàn Luật sư Thành phố H..

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Bùi Văn Th1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 630, tỉnh lộ 15, tổ 4, ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, huyện C.C., Thành phố H..

3.2. Bà Bùi Thị O., sinh năm 1929.

Địa chỉ: Số 630, tỉnh lộ 15, tổ 4, ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, huyện C.C., Thành phố H..

3.3. Ông Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 223, C/C Lô B Gò Dầu 2, phường Tân Sơn Nhì, quận Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Văn Th1 và ông Nguyễn Văn Th2: Ông Lê Đức Thành, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 66/89/14, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố H., là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền có công chứng số 019505 ngày 28/11/2019 tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn).

3.4. Bà Lôi Thiếu Mai, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Số 14, đường 748, ấp Bến Mương, xã An Nhơn Tây, huyện C.C., Thành phố H..

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn S. - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 15/11/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th. (gọi tắt là Công ty Trường Th.), ông Lê Hải là đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th. (sau đây viết tắt là Công ty Trường Th.) có cho ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T vay số tiền tổng cộng 1.350.000.000 đồng, có thỏa Tận lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Ngày 29/8/2010, ông Lê Văn S. ký Hợp đồng số 1249 vay của Công ty Trường Th. số tiền 200.000.000 đồng, ông S. thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 319-1-1, tờ bản đồ số 5, diện tích 469m², Tộc xã Phước Hiệp, huyện C.C., Thành phố H., do bà Phan Thị T Hồng đứng tên.

- Ngày 11/10/2010, ông Lê Văn S. ký Hợp đồng số 1317 vay của Công ty Trường Th. số tiền 400.000.000 đồng, sau đó đã trả 200.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng.

- Ngày 09/12/2010, ông Lê Văn S. ký Hợp đồng số 1408 vay của Công ty Trường Th. số tiền 400.000.000 đồng, ông S. thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 94, tờ bản đồ số 20, diện tích 1829m², tọa lạc tại ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, huyện C.C., Thành phố H., do ông Nguyễn Văn S. đứng tên.

- Ngày 27/01/2010, ông Lê Văn S., vợ là Nguyễn Kim T và bà Lôi Thiệu Mai có ký Hợp đồng số 1428 vay của Công ty Trường Th. số tiền 1.000.000.000 đồng (trong đó phần của ông S. và bà T vay là 450.000.000 đồng, phần còn lại của bà Mai). Ông S., bà T và bà Mai có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 94, tờ bản đồ số 20, diện tích 1829m², tọa lạc tại ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, huyện C.C., Thành phố H., do ông Nguyễn Văn S. đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 319-1-1, tờ bản đồ số 5, diện tích 469m², tọa lạc tại số 105-106/50C, Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân B., Thành phố H., do bà Phan Thị T Hồng đứng tên; Thửa đất số 74-2 tờ bản đồ số 13, địa chỉ số 47/31C, Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố H., diện tích 1370m², do ông Mai Hồng Sơn đứng tên.

Ngoài ra, ông Lê Văn S. vay số tiền 100.000.000 đồng gửi cho ông Hoàng ở Vũng Tàu theo giấy xác nhận nợ ngày 19/8/2016.

Tổng cộng vợ chồng Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T nợ của Công ty Trường Th. số tiền gốc là 1.350.000.000 đồng. Nay Công ty Trường Th. yêu cầu ông S. và bà T phải trả số tiền gốc là 1.350.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 650.000.000 đồng, tổng cộng 2.000.000.000 (hai tỷ đồng).

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Hợp đồng vay tiền số 1317/HĐ ngày 11/10/2010; Hợp đồng vay tiền số 1249/HĐ ngày 29/8/2010; Hợp đồng vay tiền số 1428/HĐ ngày 27/01/2011;

Hợp đồng vay tiền số 1408/HĐ ngày 09/12/2010; và Giấy xác nhận nợ ngày 19/8/2016 (tất cả là bản photo có đối chiếu bản chính).

Tại bản tự khai ngày 30/9/2019 và các biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn ông Lê Văn S. trình bày:

Ông thừa nhận có ký các hợp đồng vay tiền với Công ty Trường Th. như trình bày của ông Lê Hải, nhưng ông vay giùm cho bà Lôi Thiều Mai. Trong số các hợp đồng mà ông đã ký thì ông có vay riêng cá nhân ông số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), nhưng bà Mai đã thay ông trả số tiền này có xác nhận của Công ty Trường Th.. Ông chỉ còn nợ số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) đối với bà Mai. Ông không liên quan gì đến nợ đối với Công ty Trường Th..

Giấy xác nhận nợ ngày 19/8/2016 đối với số tiền 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), biên bản làm việc ngày 15/9/2017 của Công ty cổ phần T hời nợ Phát Đạt là do ông ký xác nhận nợ với Công ty Trường Th. tiền vốn là 1.350.000.000 đồng, tiền lãi 1%/tháng từ tháng 6/2012 đến tháng 9/2017 là 850.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty Trường Th. chỉ yêu cầu ông trả cả vốn là lãi là 2.000.000.000 đồng, giấy xác nhận nợ này và các giấy xác nhận nợ đến cuối năm 2018 là do ông Lê Hải Tê công ty đòi nợ Tê gây sức ép để ông ký.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Bùi Văn Th1 về việc trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 661/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C.C. cấp ngày 12/12/2001 cho ông Nguyễn Văn S. thì ông không giữ mà do bà Mai và Công ty Trường Th. giữ nên ông không có nghĩa vụ trả lại cho ông Th1.

Tại bản tự khai ngày 30/9/2019 bị đơn bà Nguyễn Kim T trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Văn S., bà thống nhất với lời trình bày của ông S. và không có ý kiến gì khác. Do sức khỏe của bà không tốt nên bà đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải và xét xử tại Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại bản tự khai ngày 15/10/2019 bà Lôi Thiều Mai trình bày: Trước đây ông Lê Văn S. có giới thiệu ông Lê Hải là giám đốc Công ty Trường Th. để mua đất và nhà của bà. Bà cũng có vay tiền của Công ty Trường Th. chung với ông S. nhưng bà đã bán đất và trả nợ hết cho Công ty Trường Th., còn phần của ông S. nợ của Công ty Trường Th. thì bà không có liên quan gì nữa. Do sức khỏe của bà không tốt nên bà đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải và xét xử tại Tòa án các cấp.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, ông Bùi Văn Th1 trình bày: Ông là con của ông Nguyễn Văn S. và bà Bùi Thị O., cha ông đã chết vào ngày 23/9/2002 có để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 1.829 m² tại xã Nhuận Đức,

huyện C.C., Thành phố H.. Sau khi gia đình ông đi kê khai di sản thừa kế thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đã mất mà không rõ nguyên nhân. Gia đình ông đã đến Ủy ban nhân dân huyện C.C. để làm phó bản thì ông Lê Hải là giám đốc Công ty Trường Th. có đơn ngăn chặn tại Văn phòng đăng ký đất đai. Qua tìm hiểu thì gia đình ông được biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là do bà Lôi Thiều Mai và ông Lê Văn S. thế chấp cho Công ty Trường Th. để vay tiền. Còn việc vì sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn S. nằm trong tay của bà Lôi Thiều Mai và ông Lê Văn S. thì ông không biết. Nay ông có yêu cầu độc lập là yêu cầu ông Lê Hải, bà Lôi Thiều Mai và ông Lê Văn S. trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 661/QSĐĐ Tộc thửa 94, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.829 m² do Ủy ban nhân dân huyện C.C. cấp cho ông Nguyễn Văn S. ngày 12/12/2001 để gia đình ông làm thủ tục thừa kế theo quy định của pháp luật.

Theo bản tường trình quan hệ nhân thân ngày 07/10/2019 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức, huyện C.C., Thành phố H.) thì ông Nguyễn Văn S. có vợ là bà Bùi Thị O. và các con gồm ông Bùi Văn Th1, sinh năm 1960, ông Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1955 và ông Bùi Văn Thích, sinh năm 1960 (đã chết ngày 20/6/2016).

Tại bản tự khai ngày 25/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị O. trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu của con bà là ông Bùi Văn Th1, bà không có ý kiến gì khác. Do sức khỏe của bà không tốt nên bà đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải và xét xử tại Tòa án các cấp.

Tại bản tự khai ngày 07/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th2 trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu của ông Bùi Văn Th1, ông không có ý kiến gì khác. Do bận nhiều việc nên ông đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải và xét xử tại Tòa án các cấp và ông cũng đã ủy quyền cho ông Lê Đức Thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th. yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T trả cho Công ty Trường Th. số tiền nợ gốc là 1.350.000.000 đồng, tiền lãi của 04 hợp đồng và khoản vay 100.000.000 đồng là 9%/năm, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Bùi Văn Th1 về việc trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 661/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C.C. cấp ngày 12/12/2001 cho ông Nguyễn Văn S.: Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này bà Lôi Thiều Mai thế chấp cho Công ty của ông để vay tiền, bà Mai đã trả đủ cho ông số tiền vay và ông cũng đã trả lại tài sản thế chấp cho bà Mai theo giấy xác nhận của bà Mai ngày 01/4/2020, nên ông không còn liên quan gì đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn S..

Bị đơn ông Lê Văn S. vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ hai.

Bị đơn bà Nguyễn Kim T có đơn đề nghị vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Bùi Văn Th1, ông Lê Đức Thành trình bày: Hiện nay, theo giấy xác nhận ngày 01/4/2020 và tại phiên tòa, ông Lê Hải xác định bà Lôi Thiều Mai đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 661/QSDĐ, Tộc thửa 94, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.829m² do Ủy ban nhân dân huyện C.C. cấp cho ông Nguyễn Văn S. ngày 12/12/2001. Do ông Nguyễn Văn S. đã chết nên ông yêu cầu bà Lôi Thiều Mai phải trả giấy chứng nhận nêu trên cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S..

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th2, ông Lê Đức Thành trình bày: Ông thống nhất với ý kiến trên, ông không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lôi Thiều Mai và bà Bùi Thị O. có đơn đề nghị vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn S. là Luật sư Huỳnh Thế Tân Tộc Đoàn Luật sư Thành phố H. có thông báo từ chối tham gia phiên tòa theo lịch xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.C.:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác khi giải quyết vụ án.

- Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện C.C. có ý kiến như sau: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do các đương cung cấp và tài liệu do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H. cung cấp, xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa Công ty Trường Th. và ông Lê Văn S., bà Nguyễn Kim T là phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Đối với

yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo mức lãi suất phù hợp với quy định nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Th1: Việc bà Lôi Thiều Mai chiếm giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn S. là không phù hợp với quy định của pháp luật và cản trở những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S. thực hiện quyền của họ theo quy định khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013, do đó, có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 135, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 164, Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th. và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Th1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 241/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C.C. tuyên xử như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 201, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, 474, 476 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 164, 169, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th..

Buộc ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T trả số tiền gốc là 1.350.000.000 (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 1.181.637.000 (một tỷ một trăm tám mươi một triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng), tổng cộng là 2.531.637.000 (hai tỷ năm trăm ba mươi một triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th., trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T có trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất được xác định theo sự thỏa Tận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa Tận thì thực hiện theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th. có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Th1.

Buộc bà Lôi Thiều Mai phải trả cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S. gồm: Bà Bùi Thị O., ông Bùi Văn Th1 và ông Nguyễn Văn Th2 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 661/QSDĐ, Tộc thửa 94, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.829 m², do Ủy ban nhân dân huyện C.C. cấp cho ông Nguyễn Văn S. ngày 12/12/2001.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Lôi Thiều Mai không thi hành việc trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn S. thì những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S. được quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền xin cấp phó bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 661/QSDĐ Tộc thửa 94, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.829 m², do Ủy ban nhân dân huyện C.C. cấp cho ông Nguyễn Văn S. ngày 12/12/2001.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T phải chịu là 82.632.740 (tám mươi hai triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng).

Bà Lôi Thiều Mai phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th. số tiền tạm ứng án phí 26.250.000 (hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai T tiền số 0022226 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.C., Thành phố H..

Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn Th1 số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai T tiền số 0022897 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.C., Thành phố H..

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 07/9/2020, ông Lê Văn S. nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: (1) Ông S. có yêu cầu Tòa cấp sơ thẩm triệu tập bà Lôi Thiều Mai để đối chất, cung cấp tài liệu để làm rõ việc vay nợ chung 1 tỉ đồng giữa bà Lôi Thiều Mai và ông Lê Văn S. với Công ty Trường Th. nhưng Tòa cấp sơ thẩm không thực hiện; (2) Số tiền vừa gốc và lãi 2 tỉ đồng là do ông Lê Văn S. bị Công ty Trường Th. Tê người hăm dọa, dùng biện pháp giam hồ buộc ông ký nhận nợ; (3) Khoản vay của Hợp đồng số 1241 đã trả; (4) Tại Tòa cấp sơ thẩm ông Lê Văn S. đề nghị Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp đầy đủ hồ sơ gốc liên quan đến việc ông Lê Văn S. và bà Lôi Thiều Mai cùng vay chung theo Hợp đồng số 1248 nhưng Tòa cấp sơ

thẩm không thực hiện. Ông Lê Văn S. yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không tự thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn S. là ông Lê Văn Chiến ý kiến như sau: Về số tiền nợ gốc và nợ lãi ông Lê Văn S. chấp nhận theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, về các giấy tờ chủ quyền nhà đất đã thế chấp, trong 04 giấy chủ quyền ông Lê Văn S. đưa cho Công ty Trường Th. thì ông S. thừa nhận hai giấy chủ quyền đứng tên của ông ở đường Hồ Đắc Di và đứng tên Mai Hồng Sơn đã được Công ty Trường Th. giao cho bà Lôi Thiều Mai, còn giấy chủ quyền đứng tên ông Nguyễn Văn S. đã được Tòa cấp sơ thẩm giải quyết nên ông không có ý kiến, riêng giấy chủ quyền đứng tên bà Phan Thị T Hồng thì Tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét, vì nếu buộc ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T trả nợ thì Công ty Trường Th. phải có nghĩa vụ trả bản chính giấy chủ quyền này cho ông Lê Văn S.. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng vay tiền vì Công ty Trường Th. không có chức năng kinh doanh về tín dụng, nên các hợp đồng bị vô hiệu, bên vay trả lại tiền gốc và không tính lãi, bên cho vay trả lại giấy chủ quyền của bà Hồng. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn đề nghị được miễn giảm tiền án phí sơ thẩm của ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T gửi đến Tòa cấp phúc thẩm vào ngày 12/3/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn S. là luật sư Phạm Văn Tân ý kiến như sau: Ông Lê Văn S. thống nhất về cách tính lãi suất 9%/năm từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm đối với 04 hợp đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về việc Công ty Trường Th. có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chủ quyền đứng tên bà Phan Thị T Hồng cho ông Lê Văn S..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hải trình bày: Giấy chủ quyền đứng tên bà Phan Thị T Hồng được bà Lôi Thiều Mai xác nhận đã giao lại cho ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T theo giấy xác nhận nợ ngày 19/8/2016. Công ty Trường Th. cho ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T vay tiền nên phải tính lãi vì Công ty cũng phải đi vay trả lãi cho ngân hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn S. và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Lê Đức Thành đại diện cho ông Nguyễn Văn Th2 và ông Bùi Văn Th1 có ý kiến như sau: Thống nhất với yêu cầu độc lập của ông Bùi Văn Th1 và không có ý kiến gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Bùi Thị O. gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không có ý kiến gì khác.

Bà Lôi Thiều Mai gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do bị bệnh không thể đến Tòa và có ý kiến như sau: Ngày 04/3/2017 các bên đã xác nhận công nợ, bà Mai đã trả hết phần nợ của bà còn thiếu cho Công ty Trường Th. và không còn liên quan. Bà Mai xác nhận việc ông Lê Văn S. có kêu bà mượn lại hai giấy chủ quyền đứng tên Phan Thị T Hồng và Mai Hồng Sơn và bà Mai đã đưa lại cho ông Lê Văn S..

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn S. làm trong thời hạn luật định, nên hợp lệ.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn S. không có căn cứ được chấp nhận. Về đơn đề nghị Tòa án miễn án phí của ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T là phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông S., sửa án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý đúng thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ngày 19/8/2020 Tòa án nhân dân huyện C.C. xét xử sơ thẩm và tuyên án, đến ngày 07/9/2020 bị đơn ông Lê Văn S. nộp đơn kháng cáo, thì đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét việc ông S. yêu cầu Tòa cấp sơ thẩm triệu tập bà Lôi Thiều Mai để đối chất, cung cấp tài liệu làm rõ việc vay nợ chung 1 tỉ đồng giữa bà Lôi Thiều Mai và ông Lê Văn S. với Công ty Trường Th. là không cần thiết, bởi lẽ bà Mai đã cung cấp đầy đủ lời khai và tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án, nên Tòa cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất là phù hợp với tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Xét số tiền vừa gốc và lãi 2 tỉ đồng ông Lê Văn S. cho rằng bị Công ty Trường Th. Tê người hăm dọa, dùng biện pháp giam hồ buộc ông ký nhận nợ, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào nên không có cơ sở được chấp nhận.

[2.3] Về khoản vay của Hợp đồng số 1241 ông Lê Văn S. đã trả nhưng theo hồ sơ vụ án này các bên không tranh chấp hợp đồng số 1241 nên Tòa cấp phúc thẩm không xem xét.

[2.4] Xét tại Tòa cấp sơ thẩm ông Lê Văn S. đề nghị Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp đầy đủ hồ sơ gốc liên quan đến việc ông Lê Văn S. và bà Lôi Thiều Mai cùng vay chung theo Hợp đồng số 1248 nhưng Tòa cấp sơ thẩm không thực hiện, về vấn đề này ông Lê Văn S. nêu ra là không có cơ sở, bởi lẽ trong quá trình giải quyết sơ thẩm ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, dẫn đến Tòa cấp sơ thẩm phải tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Mặt khác, tại Tòa cấp phúc thẩm, đại diện bị đơn là ông Lê Văn Chiến đã được Tòa án cho tiếp cận, công khai đầy đủ các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án hai cấp thẩm tra.

[2.5] Xét ý kiến của người đại diện bị đơn là ông Lê Văn Chiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng vay tiền vì Công ty Trường Th. không có chức năng kinh doanh về tín dụng nên các hợp đồng cho vay tiền giữa ông Lê Văn S. với Công ty Trường Th. bị vô hiệu, bên vay trả lại tiền gốc và không tính lãi, bên cho vay trả lại giấy chủ quyền của bà Hồng, Hội đồng xét xử nhận thấy các giao dịch giữa Công ty Trường Th. với ông Lê Văn S. được xác lập phù hợp với Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó, vấn đề nại ra của đại diện bị đơn là không được chấp nhận.

[2.6] Xét ý kiến của người đại diện bị đơn và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cần phải sửa bản án sơ thẩm về việc Công ty Trường Th. phải trả lại giấy chủ quyền đứng tên bà Phan Thị T Hồng cho ông Lê Văn S., Hội đồng xét xử nhận thấy vấn đề này ông Lê Văn S. không nêu ra trong đơn kháng cáo, tuy nhiên, căn cứ vào giấy xác nhận công nợ ngày 19/8/2016 thể hiện ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T ký xác nhận trong đó có nội dung bà Lôi Thiều Mai nhận lại giấy chủ quyền đứng tên bà Phan Thị T Hồng từ Công ty Trường Th. giao lại cho bà T, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn và bà Lôi Thiều Mai về việc đã giao giấy chủ quyền này cho ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T, do đó, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của đại diện bị đơn và luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn về vấn đề này là không có cơ sở được chấp nhận.

[2.7] Xét Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T cùng phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty Trường Th. số tiền gốc 1.350.000.000 đồng và số tiền lãi 1.181.637.000 đồng là có đủ cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, phù hợp quy định pháp luật tại các Điều

474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, phù hợp với hướng dẫn tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 và Khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/1/2019 hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TANDTC*), và cũng được các bên đương sự thống nhất về số tiền nợ gốc và lãi tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H..

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T có trách nhiệm trả lãi kể từ ngày Công ty Trường Th. có đơn yêu cầu thi hành án, là không phù hợp với hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nên cần phải sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[2.8] Về án phí:

Ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do Tộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí sơ thẩm phù hợp với Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần này, phù hợp với ý kiến của đại diện bị đơn và của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H..

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các vấn đề còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự,

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 241/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C.C., Thành phố H..

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th..

Buộc ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T trả số tiền gốc là 1.350.000.000 (*Một tỉ, ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 1.181.637.000 (*Một tỉ, một trăm tám mươi một triệu, sáu trăm, ba mươi bảy ngàn đồng*), tổng cộng là 2.531.637.000 (*Hai tỉ, năm trăm ba mươi một triệu, sáu trăm, ba mươi bảy ngàn đồng*) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th., trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa Tận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa Tận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Th1.

Buộc bà Lôi Thiều Mai phải trả cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S. gồm: Bà Bùi Thị O., ông Bùi Văn Th1 và ông Nguyễn Văn Th2 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 661/QSĐĐ Tộc thửa 94, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.829 m² do Ủy ban nhân dân huyện C.C. cấp cho ông Nguyễn Văn S. ngày 12/12/2001.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Lôi Thiều Mai không thi hành việc trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn S. thì những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S. được quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền xin cấp phó bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 661/QSĐĐ Tộc thửa 94, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.829 m² do Ủy ban nhân dân huyện C.C. cấp cho ông Nguyễn Văn S. ngày 12/12/2001.

3. Về án phí:

Ông Lê Văn S. không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn S. số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai T tiền số 0084572 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.C., Thành phố H..

Ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 82.632.740 (*Tám mươi hai triệu, sáu trăm, ba mươi hai ngàn, bảy trăm bốn mươi đồng*), nhưng được miễn nộp.

Bà Lôi Thiều Mai phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th. số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 26.250.000 (*Hai mươi sáu triệu, hai trăm, năm mươi ngàn đồng*) theo Biên lai T tiền số 0022226 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.C., Thành phố H..

Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn Th1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai T tiền số 0022897 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.C., Thành phố H..

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hải Vân

Nguyễn Vũ Trọng Đan

Phạm Thị T Hải

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện C.C.;
- Chi cục THADS huyện C.C.;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án ().

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị T Hải

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 30 tháng 3 năm 2021

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị T Hải

Các Thẩm phán:

1/ Bà Lê Hải Vân

2/ Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Tiến hành nghị án vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 535/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th..

Địa chỉ trụ sở: Số 904, đường Âu Cơ, Phường 14, quận Tân B., Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hải, địa chỉ: Số 904, đường Âu Cơ, Phường 14, quận Tân B., Thành phố H., là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn S., sinh năm 1952.

2.2. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Số 858, tỉnh lộ 15, ấp Bến Mương, xã An Nhơn Tây, huyện C.C., Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn Chiến, sinh năm 1972, địa chỉ: 65/2A, Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố H., là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền có công chứng số 000515 ngày 04/02/2021 tại Văn phòng Công chứng Trần Trung Dũng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn S.: Luật sư Phạm Văn Tận, Tộc Công ty luật TNHH MTV Đông An Tận, Đoàn Luật sư Thành phố H..

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Bùi Văn Th1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 630, tỉnh lộ 15, tổ 4, ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, huyện C.C., Thành phố H..

3.2. Bà Bùi Thị O., sinh năm 1929.

Địa chỉ: Số 630, tỉnh lộ 15, tổ 4, ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, huyện C.C., Thành phố H..

3.3. Ông Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 223, C/C Lô B Gò Dầu 2, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Ph. Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Văn Th1 và ông Nguyễn Văn Th2: Ông Lê Đức Thành, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 66/89/14, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố H., là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền có công chứng số 019505 ngày 28/11/2019 tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn).

3.4. Bà Lôi Thiều Mai, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Số 14, đường 748, ấp Bến Mương, xã An Nhơn Tây, huyện C.C., Thành phố H..

4. *Người kháng cáo: Ông Lê Văn S. - Bị đơn.*

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Thống nhất và biểu quyết với tỉ lệ 3/3 các vấn đề sau:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự,

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 241/2020/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C.C., Thành phố H..

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th..

Buộc ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T trả số tiền gốc là 1.350.000.000 (*Một tỉ, ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 1.181.637.000 (*Một tỉ, một trăm tám mươi một triệu, sáu trăm, ba mươi bảy ngàn đồng*), tổng cộng là 2.531.637.000 (*Hai tỉ, năm trăm ba mươi một triệu, sáu trăm, ba mươi bảy ngàn đồng*) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th., trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa Tận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa Tận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Th1.

Buộc bà Lôi Thiều Mai phải trả cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S. gồm: Bà Bùi Thị O., ông Bùi Văn Th1 và ông Nguyễn Văn Th2 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 661/QSDĐ Tộc thửa 94, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.829 m² do Ủy ban nhân dân huyện C.C. cấp cho ông Nguyễn Văn S. ngày 12/12/2001.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Lôi Thiều Mai không thi hành việc trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn S. thì những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S. được quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền xin cấp phó bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 661/QSDĐ Tộc thửa 94, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.829 m² do Ủy ban nhân dân huyện C.C. cấp cho ông Nguyễn Văn S. ngày 12/12/2001.

3. Về án phí:

Ông Lê Văn S. không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn S. số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai T tiền số 0084572 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.C., Thành phố H..

Ông Lê Văn S. và bà Nguyễn Kim T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 82.632.740 (*Tám mươi hai triệu, sáu trăm, ba mươi hai ngàn, bảy trăm bốn mươi đồng*), nhưng được miễn nộp.

Bà Lôi Thiều Mai phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ du lịch Trường Th. số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 26.250.000 (Hai mươi sáu triệu, hai trăm, năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai T tiền số 0022226 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.C., Thành phố H..

Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn Th1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai T tiền số 0022897 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.C., Thành phố H..

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hải Vân

Nguyễn Vũ Trọng Đan

Phạm Thị T Hải